TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Màu;
2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyệnT, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 525/QĐST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh 1967 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã P1, huyện T, tỉnh B.
2. Bị đơn: Anh Lưu Văn P, sinh 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã P1, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày: Chị và anh Lưu Văn P tìm hiểu nhau được 02 tháng, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện T, tỉnh B vào năm 1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn P, xã P1, huyện T. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2013, thì anh P phạm tội vì đánh gây thương tích cho chị gái của chị nên đi chấp hành án cho đến ngày 25-9-2017 mới được về nhà. Kể từ ngày anh P về nhà, anh P thường xuyên chửi mắng đánh đập chị, yêu cầu chị phải làm đơn khiếu nại cho rằng anh P bị kết tội oan, chị không làm thì bị đánh, bị chửi. Vì vậy chị đã làm đơn yêu cầu công an xã P1 giải quyết đối với hành vi của anh P, nhưng không có kết quả, anh P hăm dọa sẽ tiếp tục đánh chị, nếu

chị xin ly hôn với anh. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

-Về quan hệ nuôi con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Lưu Thái Thanh D, sinh năm 1992 và Lưu Thái Tùng M, sinh năm 1999, hiện các con đã trưởng thành muốn sống với ai do các con tự quyết định.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình chung sống vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Văn P vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2017 anh Lưu Văn P trình bày: Anh thống nhất về thời gian tìm hiểu, kết hôn như chị V trình bày là đúng, từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, vợ chồng đôi lúc có kình cãi nhưng không vi phạm pháp luật, do vậy nay chị V yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh xin Tòa cho vợ chồng anh đoàn tụ để có điều kiện chung sống và giải quyết việc khiếu kiện vụ án oan sai cũng như giải quyết tranh chấp hủy hoại tài sản của anh.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con Lưu Thái Thanh D, sinh năm 1992 và Lưu Thái Tùng M, sinh năm 1999, hiện nay các con đã trưởng thành, nếu Tòa cho vợ chồng anh ly hôn,anh xin nhận các con ở cùng anh.

Về quan hệ tài sản chung: Anh yêu cầu giải quyết tài sản bất động sản cũng như các tài sản khác trong gia đình. Tài sản riêng của anh không được giải quyết. Hiện nay vợ chồng anh không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.Trường hợp vợ anh không yêu cầu giải quyết phần tài sản thì anh yêu cầu Tòa không giải quyết tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị V ly hôn anh P, đồng thời giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Lưu Văn P đang cư trú tại thôn P, xã P1, huyện T, tỉnh B; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiêu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn là anh Lưu Văn P vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phận.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu V và anh Lưu Văn P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện T, tỉnh B vào

năm 1991 nên hôn nhân giữa chị V và anh P là hợp pháp. Chị V xin ly hôn với anh P,với lý do anh P thường xuyên chửi mắng đánh đập chị. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình tòa xét xử vụ án, anh Ph có mong muốn đoàn tụ nhưng tại các phiên hòa giải cũng như tại các phiên Tòa anh đều cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ việc anh mong muốn đoàn tụ nhưng không thể hiện thiện chí. Trong khi đó qua xác minh địa phương cho thấy giữa chị V và anh P thường xuyên mâu thuẫn từ sinh hoạt gia đình đến sự vụ gây thương tích cho chị vợ, sau khi chấp hành án về anh P thường xuyên gây gỗ, xúc phạm chị V cũng như gia đình phía chị V.Trong khi đó nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân của chị V và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, anh P không còn thương yêu chị V, không biết tôn trọng mà còn xúc phạm đánh đập chị V, nên chị V không thể chịu đựng hơn nữa đã yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Xét yêu cầu của chị V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị V và anh P có hai con chung là Lưu Thái Thanh D, sinh năm 1992 và Lưu Thái Tùng M, sinh năm 1999, hiện các con đã trưởng thành, nên Hội đồng không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Chị V, anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu tiền án phí ly hôn theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu V được ly hôn anh Lưu Văn P

Về quan hệ nuôi con chung: Chị V và anh P có hai con chung là Lưu Thái Thanh D, sinh năm 1992 và Lưu Thái Tùng M, sinh năm 1999, hiện các con đã trưởng thành, nên Hội đồng không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Chị V, anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007116, ngày 01-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B được khấu trừ vào án phí.

Chị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-4-2018). Anh P mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy đinh tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự ,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện Tc
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh B .
-UBND xã P1;
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên tòa**